

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Huỳnh Sinh

Ông Trần Văn Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Minh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số **38/2022/QĐST-HNGĐ** ngày 15/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C - sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Văn N - Sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày:*

Bà Phạm Thị C và ông Võ Văn N có tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 187 ngày 26/9/2012). Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại khu phố 5, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Ngay từ khi kết hôn vợ chồng bà sống đã không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau, ông N thường

xuyên nhậu nhẹt say xin về chửi bới xúc phạm danh dự nhân phẩm bà. Từ năm 2016 đến nay bà và ông N không chung sống với nhau, hai người mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau và cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, bà xác định đã hết tình cảm với ông N nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng bà có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 31/7/2009 và Võ Thị Phương Q, sinh ngày 17/8/2011. Từ khi hai vợ chồng không sống chung với nhau thì các cháu ở với mẹ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

*Tài sản chung và nợ chung:* Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Võ Văn N quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:*** Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Võ Văn N. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ở phường M, TP. Phan Rang - Tháp Chàm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn: Ngày 17/6/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[1.3] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Võ Văn N nhưng ông N đều

vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tình trạng hôn nhân: Xét cuộc hôn nhân giữa bà Phạm Thị C và ông Võ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 187 ngày 26 tháng 9 năm 2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi vã, xích mích. Vợ chồng không chung sống từ năm 2016, không còn đi lại, quan tâm chăm sóc nhau. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà C giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên, từ năm 2016 vợ chồng bà C và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xích mích. Từ lúc không còn sống chung đến nay, vợ chồng bà C, ông N mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau và cũng không có ý định hàn gắn. Mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của bà C, ông N cũng được C quyền địa phương phường Mỹ Hải xác nhận. Ông N biết việc bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông N không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

[2.2] Về con chung: Xét về yêu cầu nuôi con chung của bà C, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ thời điểm vợ chồng không sống chung (năm 2016) đến nay bà C là người nuôi các cháu Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 31/7/2009 và cháu Võ Thị Phương Q, sinh ngày 17/8/2011, các cháu hiện nay có cuộc sống ổn định, được học hành và phát triển bình thường. Mặt khác, nguyện vọng của cháu D, cháu Q muốn tiếp tục ở với mẹ; Xét thấy yêu cầu của bà C về nuôi con chung là phù hợp nên Hội đồng xét xử giao cháu Võ Thị Mỹ D và cháu Võ Thị Phương Q cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên hòa giải và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà C không có yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang-Tháp Chàm tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phạm Thị C được ly hôn với ông Võ Văn N.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 31/7/2009 và Võ Thị Phương Q, sinh ngày 17/8/2011. Ông Võ Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Phạm Thị C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003877 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Phạm Thị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường Đ (năm 2012);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nga**



